

KHOÍ PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎ +84 2439724568
✉ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn

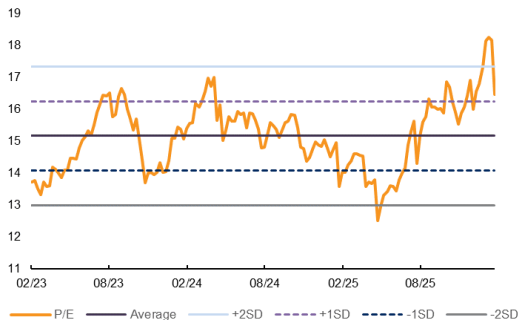
Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.782,6	263,0	128,6
1 ngày (%)	-0,5	-1,1	-0,5
1 tháng (%)	-0,3	6,6	6,6
Từ 2026	-0,1	5,7	6,3
1 Năm (%)	40,4	15,4	34,1
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	321	16	26
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VN)	1,0	2,1	0,8
Số mã tăng	106	56	153
Số mã giảm	185	99	141
Số mã tham chiếu	104	143	476

Nguồn: Bloomberg

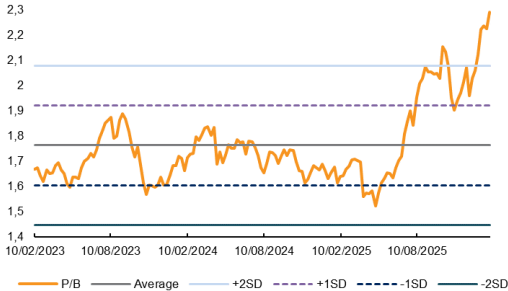
Diễn biến của VN-Index trong phiên



PE của VN-Index



P/B của VN-Index



Thị trường chứng khoán

VN-Index giảm điểm khi áp lực bán tập trung vào nhóm Vingroup

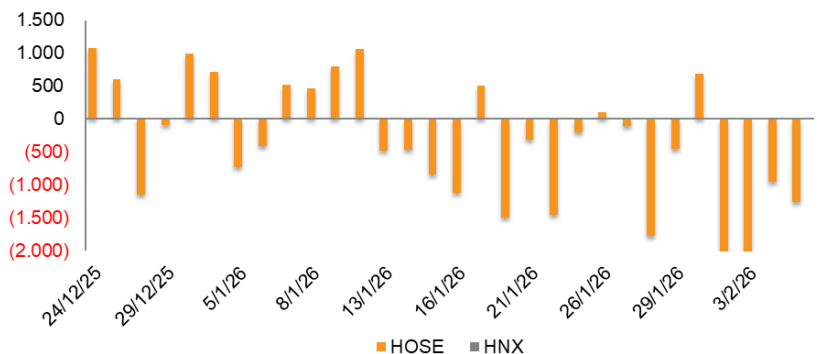
Phiên giao dịch hôm nay ghi nhận một phiên giảm điểm với sắc đỏ chiếm thế áp đảo trên thị trường chứng khoán. Kết thúc phiên giao dịch ngày 05/02, chỉ số VN-Index đóng cửa tại mức 1.782,56 điểm, giảm -8,87 điểm (-0,50%) so với phiên trước. Độ rộng thị trường nghiêng hẳn về phía tiêu cực với 254 cổ phiếu giảm điểm và chỉ có 84 mã giữ được sắc xanh, cho thấy áp lực chốt lời đã lan rộng ra hầu khắp các nhóm ngành sau giai đoạn điều chỉnh của nhóm vốn hóa lớn.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 1.969,27 điểm, giảm -18,92 điểm (-0,95%). Trong rổ VN30, sự tiêu cực thể hiện rõ nét khi có tới 23 cổ phiếu giảm điểm và chỉ có 6 cổ phiếu duy trì được sắc xanh. Đáng chú ý, bất chấp việc 2 cổ phiếu vốn hóa lớn là VIC và VHM ghi nhận mức tăng trần, tâm lý của nhà đầu tư vẫn duy trì trạng thái tiêu cực tính đến cuối phiên giao dịch. Xét theo ngành, áp lực bán tháo diễn ra tại nhóm Viễn thông (-7,06%) và Tài nguyên (-3,56%). Điểm sáng hiếm hoi duy nhất đến từ nhóm Bất động sản (+4,38%) khi 2 cổ phiếu vốn hóa lớn trong ngành là VIC và VHM ghi nhận mức tăng trần.

Thanh khoản giao dịch khớp lệnh sàn HOSE ngày 05/02 sụt giảm về mức 24.314 tỷ đồng, giảm 21,9% so với phiên trước đó và thấp hơn trung bình của 20 phiên gần nhất. Sự sụt giảm về mặt khối lượng trong một phiên giảm điểm cho thấy dòng tiền mua chủ động đang có dấu hiệu đứng ngoài quan sát, chờ đợi những vùng giá hấp dẫn hơn. Dòng tiền phòng thủ tại nhóm Tài nguyên và Bảo hiểm trong phiên trước cũng đã quay đầu sụt giảm mạnh trong phiên hôm nay, cho thấy sự luân chuyển dòng tiền đang diễn ra rất nhanh và chưa bền vững. Trong bối cảnh VN-Index đang nỗ lực tìm điểm cân bằng, chúng tôi khuyến nghị nhà đầu tư duy trì kỷ luật trong quản trị danh mục: Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng cổ phiếu cao. (1) Nên tận dụng các nhịp phục hồi kỹ thuật để cơ cấu lại danh mục. (2) Ưu tiên nắm giữ các mã thuộc nhóm ngành đang thu hút dòng tiền mạnh. Đối với nhà đầu tư đang nắm giữ tỷ trọng tiền mặt cao: (1) Có thể bắt đầu giải ngân thăm dò đối với các cổ phiếu có nền tảng cơ bản tốt, lợi nhuận tăng trưởng đột biến và đã có nhịp chiết khấu đủ sâu. (2) Việc giải ngân nên ưu tiên các cổ phiếu có thanh khoản tốt và sức mạnh giá ổn định hơn thị trường chung, đồng thời chia nhỏ tỷ trọng để quản trị rủi ro tỷ giá và biến động địa chính trị toàn cầu

Ngành	Tỷ trọng VN-Index (%)	P/E	P/B	Thay đổi (%)				% thay đổi khối lượng 1 ngày
				1 ngày	1 tháng	Từ 2026	1 Năm	
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,8	157,3	3,9	-0,8	-1,1	0,7	32,7	3,0
Hàng tiêu dùng thiết yếu	5,6	21,9	3,6	-3,1	7,1	5,9	16,2	12,5
Năng lượng	2,7	44,8	2,3	-0,8	47,4	50,0	65,7	26,6
Tài chính	40,6	12,5	1,9	-1,9	9,8	8,3	32,4	-7,5
Chăm sóc sức khỏe	0,5	39,1	2,8	-0,5	5,1	4,5	14,7	-11,0
Công nghiệp	7,6	33,3	3,5	-1,4	-2,0	-3,3	62,5	-7,0
Công nghệ thông tin	2,3	19,4	4,5	-3,0	5,9	5,6	-17,7	46,5
Vật liệu xây dựng	6,3	19,5	2,0	-2,5	21,4	19,5	21,1	-16,8
Bất động sản	22,0	51,7	4,6	5,2	-20,4	-18,4	345,8	-30,1
Dịch vụ tiện ích	5,0	19,4	3,5	-2,6	31,8	38,2	51,3	217,5

Mua/(bán) ròng khỏi ngoại (tỷ VND)



Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- Chỉ số USD tăng vượt 97.5 vào thứ Năm, đạt mức cao gần hai tuần khi thị trường kỳ vọng Fed sẽ giảm lãi suất với tốc độ chậm hơn. Thống đốc Lisa Cook nhấn mạnh lo ngại về triển vọng lạm phát đình trệ hơn là thị trường lao động hạ nhiệt, cho thấy bà chưa ủng hộ việc cắt giảm sớm, trong khi việc Kevin Warsh được đề cử làm Chủ tịch Fed cũng khiến nhà đầu tư chú ý đến quan điểm thiên về bằng cân đối nhỏ và ít mạnh tay giảm lãi suất. Dữ liệu ADP cho thấy việc làm tư nhân yếu hơn dự báo nhưng hoạt động dịch vụ vượt kỳ vọng. Thị trường đồng thời theo dõi các cuộc họp chính sách của ECB và BoE với khả năng giữ nguyên lãi suất, trong khi cuộc bầu cử Hạ viện Nhật Bản cuối tuần này tiếp tục gây áp lực lên đồng yên do kỳ vọng mở rộng tài khóa.

Tin vĩ mô trong nước

- 15 trong số các tập đoàn công nghệ hàng đầu Trung Quốc đã có mặt tại Hội nghị Hợp tác Kinh tế – Kỹ thuật Việt Nam – Trung Quốc (SBV 2026) ở Hà Nội, cùng với hơn 45 doanh nghiệp Việt Nam thúc đẩy hợp tác trong R&D, chuyển đổi số và đầu tư công nghệ.

Tin ngành và doanh nghiệp

- VPB – Kế hoạch 2026 “rực lửa”: LNTT hợp nhất vượt 41.000 tỷ, tổng tài sản 1,63 triệu tỷ; FE Credit kỳ vọng lãi tăng 93%:** VPBank (VPB) đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2026 với lợi nhuận trước thuế hợp nhất mục tiêu 41.323 tỷ đồng (tăng 35% so với 2025), tổng tài sản hợp nhất 1,630 triệu tỷ đồng (tăng 29%), dư nợ cấp tín dụng hợp nhất 1,292 triệu tỷ đồng (tăng 34%) và tiền gửi khách hàng + giấy tờ có giá 1,031 triệu tỷ đồng (tăng 40%). Ở các công ty con, FE Credit đặt mục tiêu LNTT 1.179 tỷ đồng (tăng 93%), VPBankS 6.453 tỷ đồng (tăng 44%) và OPES 936 tỷ đồng (tăng 47%). Riêng ngân hàng mẹ, VPBank kỳ vọng LNTT 34.240 tỷ đồng (tăng 30%), tín dụng gần 1,15 triệu tỷ đồng (tăng 35%), tiền gửi + GTCTG hơn 1,04 triệu tỷ đồng (tăng 44%) và kiểm soát nợ xấu dưới 2,5% theo Thông tư 11.
- BVH – Lợi nhuận 2025 bứt phá nhờ đầu tư tài chính, tổng tài sản tiến sát 300 nghìn tỷ:** Tập đoàn Bảo Việt (BVH) trong quý 4/2025 ghi nhận lợi nhuận từ hoạt động đầu tư tài chính khoảng 2.900 tỷ đồng (110 triệu USD), đưa lũy kế cả năm lên 11.000 tỷ đồng (418 triệu USD); nhờ đó lợi nhuận ròng năm 2025 tăng 41%, đạt gần 3.000 tỷ đồng (114 triệu USD). Song song với hiệu quả đầu tư cải thiện, tổng tài sản của BVH tăng 16% lên khoảng 292 nghìn tỷ đồng (xấp xỉ 11 tỷ USD), củng cố nền tảng tài chính và dự địa sinh lời cho giai đoạn tiếp theo.
- VPX – Tham vọng tăng tốc 2026: Doanh thu bứt phá, lợi nhuận dẫn dắt nhờ vốn và công nghệ:** VPBank Securities (VPX) đặt mục tiêu tăng trưởng mạnh trong năm 2026 với doanh thu kế hoạch đạt 11.074 tỷ đồng (421 triệu USD), tăng 59% so với năm trước, và lợi nhuận trước thuế 6.453 tỷ đồng (245 triệu USD), tăng 44%, phản ánh kỳ vọng khai thác hiệu quả lợi thế về nền tảng vốn lớn, công nghệ và hệ sinh thái VPBank. Công ty dự kiến mở rộng dư nợ cho vay ký quỹ lên 34.000 tỷ đồng (1,29 tỷ USD), đồng thời ra mắt nền tảng WealthTech nhằm nâng cao trải nghiệm khách hàng và đa dạng hóa nguồn thu. Với định hướng tăng trưởng dài hạn, VPX đặt mục tiêu tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) 32% đến năm 2030, hướng tới vị thế công ty chứng khoán dẫn đầu về quy mô, hiệu quả và đổi mới số.
- VCK – Tăng vốn mạnh qua cổ phiếu thưởng, lợi nhuận quý IV bứt phá:** Chứng khoán VCK dự kiến thực hiện phát hành gần 913,1 triệu cổ phiếu thưởng trong giai đoạn quý I–II/2026, qua đó tăng vốn điều lệ thêm 60% lên 24.349 tỷ đồng (khoảng 925 triệu USD), phản ánh chiến lược mở rộng quy mô và củng cố năng lực tài chính cho giai đoạn tăng trưởng tiếp theo. Về kết quả kinh doanh, quý IV/2025 VCK ghi nhận lợi nhuận ròng đạt 1.014 tỷ đồng (39 triệu USD), tăng 21% so với cùng kỳ, trong khi doanh thu tăng mạnh 53%, cho thấy hiệu quả khai thác thị trường và cải thiện biên hoạt động.

Thị trường tiền tệ và hàng hoá

- Lãi suất liên ngân hàng qua đêm và 1 tuần tiếp tục giảm xuống 4,7% và 5,3% trong ngày 7/1. Nhờ tình hình thanh khoản hạ nhiệt, NHNN đã tăng lượng hút ròng trên OMO lên 35 nghìn tỷ đồng (so với hôm qua là 9,8 nghìn tỷ đồng).
- Tỷ giá USD/VND tiếp tục có diễn biến ổn định dù chỉ DXY có xu hướng tăng trở lại.

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 Năm
Lãi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	3,67	-0,1	12,7	12,6	57,4
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	9,65	72,9	484,8	484,8	105,3
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	7,43	0,8	-9,1	-9,9	53,2
USD/VND	25.968	0,1	1,2	1,3	-3,1
DXY	97,84	0,2	-0,4	-0,5	-9,1
Lãi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,27	-0,1	2,6	2,4	-3,4
Lãi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	3,62	-0,2	3,0	2,4	-13,9

Thị trường hàng hóa	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1 ngày	1 tháng	Từ 2025	1 năm
Vàng (USD/oz)	4.899,00	-0,4	10,1	12,9	70,6
Xăng Ron 95 (USD/b) 1 th	64,07	-1,6	9,9	11,6	-9,8
Dầu Brent (USD/b) 1 thán	68,33	-1,6	10,6	12,3	-8,4
Thép (USD/tấn)	465,9	-0,1	0,0	-0,6	-7,3
Thịt heo (USD/kg)	1,8	-1,0	-2,0	-2,9	-21,2
Gạo (USD/tấn)	502,4	0,1	11,6	15,4	-18,0
Phân urea (USD/tấn)	410,0	6,2	19,7	19,7	13,1

Lịch sự kiện quan trọng trong tuần

Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai 02/02/2026	Việt Nam	Số liệu PMI sản xuất tháng 1.2026
Thứ Năm 05/02/2026	EU	Cuộc họp chính sách và quyết định lãi suất kỳ họp tháng 2.2026 của Ngân hàng TW Châu Âu
Thứ Sáu 06/02/2026	Mỹ	Số liệu việc làm và tỷ lệ thất nghiệp tháng 1.2026

Danh mục cổ phiếu theo dõi

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	7.477	4,6	3.509	54.200	73.300	36,2%	1,0%	18,2	2,9	17%
AST	125	0,0	5	72.000	85.400	22,1%	3,5%	14,3	5,0	38%
HVN	3.169	1,6	675	26.450	43.400	66,4%	2,4%	10,3	14,7	
VJC	3.473	14,1	811	166.500	113.600	-31,2%	0,6%	44,2	4,0	10%
Bán lẻ										
BAF	441	3,8	201	37.650	37.200	-1,2%		69,8	2,8	3%
DGW	456	4,2	119	53.500	49.600	-6,4%	0,9%	21,4	3,4	17%
FRT	1.115	3,3	182	170.000	150.300	-11,4%	0,2%	36,4	5,6	26%
MCH	7.720	3,2	2.691	154.600	147.000	-3,6%	1,3%	30,0	11,1	46%
MWG	5.135	21,8	88	90.200	96.300	7,9%	1,1%	18,9	4,1	23%
PNJ	1.527	4,7	2	116.200	109.900	-4,6%	0,9%	14,8	3,0	23%
QNS	691	0,2	280	48.800	53.400	11,5%	2,0%	8,0	1,4	18%
SAB	2.474	3,5	1.031	50.100	59.900	23,6%	4,0%	15,0	3,0	20%
VHC	549	2,9	433	63.500	71.300	15,4%	3,1%	10,4	1,5	17%
VNM	5.561	16,4	2.770	69.100	74.800	12,4%	4,1%	17,2	4,7	27%
Tài chính										
ACB	4.639	10,4	92	23.450	31.300	37,2%	3,7%	7,7	1,3	18%
BID	13.925	11,7	1.761	51.500	47.200	-7,5%	0,9%	12,1	2,2	19%
CTG	11.545	20,8	523	38.600	49.000	27,7%	0,8%	8,7	1,8	22%
HDB	5.310	20,4	218	27.550	39.500	45,7%	2,3%	7,8	1,8	25%
LPB	4.717	3,3	200	41.000	33.400	-12,4%	6,1%	10,7	2,6	25%
MBB	8.391	25,3	101	27.050	32.900	23,5%	1,8%	8,1	1,6	22%
STB	4.523	25,6	706	62.300	45.700	-25,7%	1,0%	19,8	2,0	10%
TCB	9.510	16,0	1	34.850	40.300	18,5%	2,9%	9,7	1,5	16%
TPB	1.827	6,0	94	17.100	17.800	9,7%	5,6%	6,4	1,1	18%
VCB	22.009	19,3	1.962	68.400	69.300	2,0%	0,7%	16,2	2,5	17%
VIB	2.248	4,0	2	17.150	23.600	41,2%	3,6%	8,0	1,2	16%



Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.371	21,8	423	27.400	37.100	37,2%	1,8%	9,1	1,3	15%
Dệt may										
MSH	175	0,8	76	40.500	40.600	10,1%	9,9%	7,2	2,4	34%
TCM	118	1,5	2	27.350	29.800	10,8%	1,8%	12,7	1,3	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.746	2,2	891	68.900	68.600	1,2%	1,6%	20,6	3,1	16%
GMD	1.168	3,7	124	71.100	72.000	4,1%	2,8%	19,4	2,3	12%
HAH	375	4,4	86	57.700	55.400	-2,7%	1,3%	8,4	2,2	29%
VSC	311	7,1	147	21.600	19.100	-9,3%	2,3%	23,7	1,5	7%
IDC	701	4,8	248	48.000	45.600	-1,9%	3,1%	9,4	2,8	32%
KBC	1.306	6,3	494	36.000	30.000	-15,6%	1,0%	14,6	1,4	10%
PHR	329	1,4	116	63.100	68.400	10,5%	2,1%	12,8	2,1	17%
VTP	516	3,3	224	110.000	129.200	18,4%	1,0%	45,4	7,7	18%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	990	13,2	430	67.700	128.300	93,9%	4,4%	9,0	1,7	20%
HPG	8.143	35,8	2.300	27.550	30.000	10,0%	1,1%	13,7	1,6	13%
Dầu khí										
BSR	4.705	11,2	2.236	24.400	16.700	-29,8%	1,8%	59,0	2,1	4%
GAS	10.407	8,5	4.859	112.000	78.400	-28,2%	1,8%	23,9	4,1	18%
OIL	673	2,1	41	16.900	14.800	-10,9%	1,5%	53,5	1,7	3%
PLX	2.809	9,8	129	57.400	47.700	-14,8%	2,1%	30,5	2,8	10%
PVD	718	10,6	269	33.550	32.600	4,6%	7,5%	20,6	1,1	6%
PVS	898	10,9	299	45.600	41.800	-6,9%	1,4%	12,8	1,6	13%
PVT	394	3,6	150	21.750	23.400	8,6%	1,0%	9,8	1,2	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	655	4,2	302	25.000	22.700	-5,7%	3,5%	21,9	1,5	7%
DCM	787	3,5	354	38.600	40.000	8,8%	5,2%	12,4	1,9	16%
DDV	163	1,3	75	28.900	39.700	40,5%	3,1%	25,1	2,4	10%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	104	0,7	50	33.300	34.100	3,9%	1,5%	198,2	2,1	9%
Điện										
POW	1.678	6,6	755	14.200	14.400	2,6%	1,2%	16,5	1,2	6%
Điện và BĐS										
HDG	386	2,6	118	27.100	37.400	39,5%	1,5%	14,2	1,5	5%
PC1	406	3,9	145	25.650	26.500			11,4	1,6	15%
REE	1.295	1,1	0	62.100	76.600	25,0%	1,6%	13,3	1,6	13%
Bất động sản										
DXG	645	8,6	179	15.050	18.300	34,9%	13,3%	65,2	1,2	2%
KDH	1.150	6,5	263	26.600	41.800	58,3%	1,1%	30,4	1,6	5%
NLG	534	2,8	41	28.600	42.200	49,2%	1,6%	19,6	1,1	6%
VHM	15.438	30,1	6.442	97.600	93.600			9,8	1,7	19%
VRE	2.520	13,1	922	28.800	32.000	14,8%	3,6%	10,2	1,4	14%
Công nghệ										
FPT	6.494	29,5	585	99.000	118.200	20,4%	1,0%	18,0	4,6	28%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**Hội sở**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: +84 24 3972 4568

Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM

ĐT: +84 28 7300 0688

Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng

ĐT: +84 511 382 1111

Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An

ĐT: +84 23 8730 2886

Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ

ĐT: +84 710 3766 959

Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh

ĐT: +84 98 8619 695

Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa

ĐT: +84 90 3255 202

Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM

ĐT: +84 27 4222 2659

Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình

ĐT: +84 22 8352 8819

Fax: NA